

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG TÂM XÚC TIẾN ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI, DU LỊCH THÀNH PHỐ

DANH MỤC CÁC NGÀNH, NGHỀ VÀ DỰ ÁN KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TẠI **HẢI PHÒNG**



HPPC
HAI PHONG PROMOTION CENTER

MỤC LỤC



01 DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

A. NGÀNH, NGHỀ ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

I. Công Nghệ Cao, Công Nghệ
Thông Tin, Công Nghiệp Hỗ Trợ

II. Nông Nghiệp

III. Bảo Vệ Môi Trường,
Xây Dựng Kết Cấu Hạ Tầng

IV. Văn Hóa, Xã Hội, Thể Thao, Y Tế

B. NGÀNH, NGHỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

I. Khoa Học Công Nghệ, Điện Tử, Cơ
Khí, Sản Xuất Vật Liệu, Công Nghệ
Thông Tin

II. Nông Nghiệp

III. Bảo Vệ Môi Trường, Xây Dựng
Kết Cấu Hạ Tầng

IV. Văn Hóa, Xã Hội, Thể Thao, Y Tế

V. Ngành, Nghề Khác

02 DANH MỤC DỰ ÁN QUỐC GIA KÊU GỌI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TỚI NĂM 2020

03 DANH MỤC DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2020

I. Cơ Khí – Luyện Kim

II. Hoá Chất – Cao Su Nhựa

III. Điện Tử, Điện Lạnh, Viễn Thông,
Công Nghệ Thông Tin

IV. Thiết Bị Điện

V. Vật Liệu Mới

VI. Vật Liệu Xây Dựng

VII. Công Nghiệp Nhẹ

VIII. Chế Biến Thực Phẩm Và Đồ Uống

XI. Công Nghiệp Tái Chế, Xử Lý Chất
Thải Nguy Hại, Xử Lý Chất Thải Rắn,
Nước Thải, Khí Thải

X. Xây Dựng Và Phát Triển Kết Cấu Hạ
Tầng Khu, Cụm Công Nghiệp

04 DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

01.

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư)



A. NGÀNH, NGHỀ ĐẶC BIỆT ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

I.

CÔNG NGHỆ CAO, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN, CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

1 Ứng dụng công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2 Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3 Sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4 Ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao; ứng dụng, nghiên cứu và phát triển công nghệ cao theo quy định của pháp

luật về công nghệ cao; sản xuất sản phẩm công nghệ sinh học.

5 Sản xuất sản phẩm phần mềm, sản phẩm nội dung thông tin số, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, dịch vụ phần mềm, dịch vụ khắc phục sự cố an toàn thông tin, bảo vệ an toàn thông tin theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin.

6 Sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải.

7 Sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm.

II. NÔNG NGHIỆP

- 1 Trồng, chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ và phát triển rừng.
- 2 Nuôi trồng, chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản.
Sản xuất, nhân và lai tạo giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản.
- 4 Sản xuất, khai thác và tinh chế muối.
Đánh bắt hải sản xa bờ kết hợp ứng dụng các phương thức ngư cụ đánh bắt tiên tiến; dịch vụ hậu cần nghề cá; xây dựng cơ sở đóng tàu cá và đóng tàu cá
- 5 Dịch vụ cứu hộ trên biển.
- 6

III. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG

- 1 Thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải tập trung.
Xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng trong khu kinh tế.
- 2 Đầu tư phát triển nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước; cầu, đường bộ, đường sắt; cảng hàng không, cảng biển, cảng sông; sân bay, nhà ga và công trình cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.
- 4 Phát triển vận tải hành khách công cộng tại các đô thị.
- 5 Đầu tư xây dựng và quản lý, kinh doanh chợ tại vùng nông thôn.
- 6





IV. VĂN HÓA, XÃ HỘI, THỂ THAO, Y TẾ

1 Xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư.

2 Đầu tư kinh doanh cơ sở thực hiện vệ sinh phòng chống dịch bệnh.

3 Nghiên cứu khoa học về công nghệ bào chế, công nghệ sinh học để sản xuất các loại thuốc mới.

4 Sản xuất nguyên liệu làm thuốc và thuốc chủ yếu, thuốc thiết yếu, thuốc phòng, chống bệnh xã hội, vắc xin, sinh phẩm y tế, thuốc từ dược liệu, thuốc đông y; thuốc sắp hết hạn bằng sáng chế hoặc các độc quyền có liên quan; ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ sinh học để sản xuất thuốc chữa bệnh cho người đạt tiêu chuẩn GMP quốc tế; sản xuất bao bì trực tiếp tiếp xúc với thuốc.

5 | Đầu tư cơ sở sản xuất Methadone.

6 | Đầu tư kinh doanh trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao thành tích cao và trung tâm đào tạo, huấn luyện thể thao cho người khuyết tật; xây dựng cơ sở thể thao có thiết bị, phương tiện luyện tập và thi đấu đáp ứng yêu cầu tổ chức các giải đấu quốc tế; cơ sở luyện tập, thi đấu thể dục, thể thao chuyên nghiệp.

7 | Đầu tư kinh doanh trung tâm lão khoa, tâm thần, điều trị bệnh nhân nhiễm chất độc màu da cam; trung tâm chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ mồ côi, trẻ em lang thang không nơi nương tựa.

8 | Đầu tư kinh doanh trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội; cơ sở cai nghiện ma túy, cai nghiện thuốc lá; cơ sở điều trị HIV/AIDS.

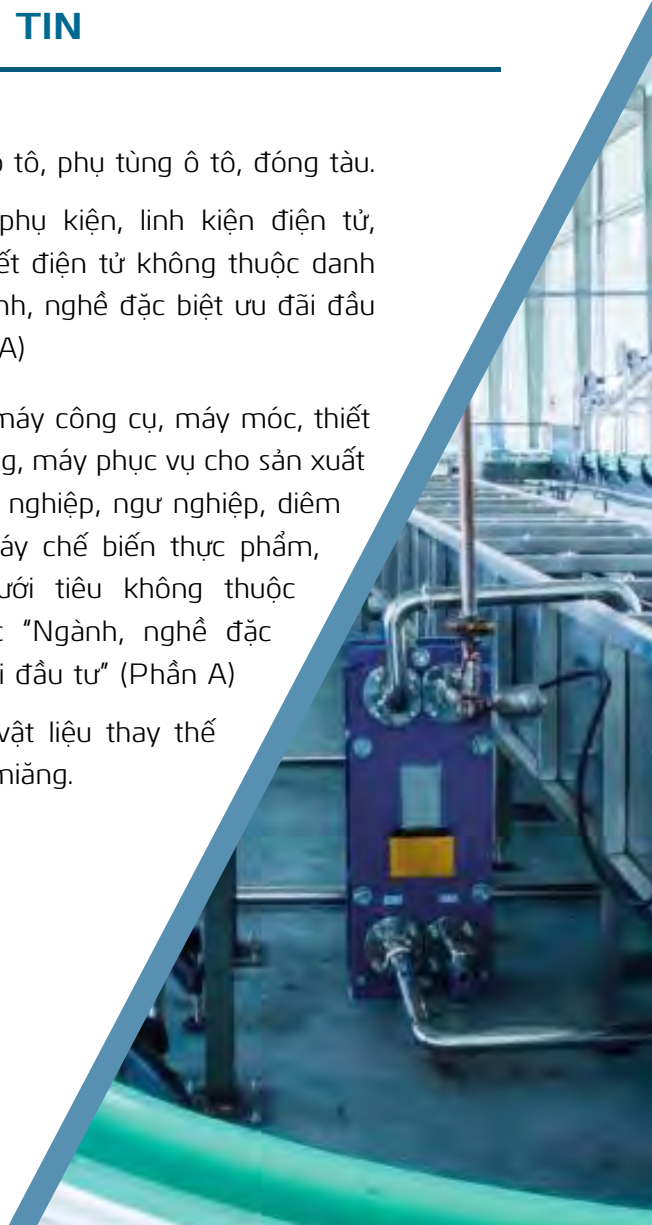
9 | Đầu tư kinh doanh bảo tàng cấp quốc gia, nhà văn hóa dân tộc; đoàn ca, múa, nhạc dân tộc; rạp hát, trường quay, cơ sở sản xuất phim, in tráng phim; nhà triển lãm mỹ thuật - nhiếp ảnh; sản xuất, chế tạo, sửa chữa nhạc cụ dân tộc; duy tu, bảo tồn bảo tàng, nhà văn hóa dân tộc và các trường văn hóa nghệ thuật; cơ sở, làng nghề giới thiệu và phát triển các ngành nghề truyền thống.

B. NGÀNH, NGHỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ

I.

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, ĐIỆN TỬ, CƠ KHÍ, SẢN XUẤT VẬT LIỆU, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

- 1 Sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm cơ khí trọng điểm theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
- 2 Đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D).
- 3 Sản xuất phôi thép từ quặng sắt, thép cao cấp, hợp kim.
- 4 Sản xuất than cốc, than hoạt tính.
- 5 Sản xuất sản phẩm tiết kiệm năng lượng.
- 6 Sản xuất hóa dầu, hóa dược, hóa chất cơ bản, linh kiện nhựa – cao su kỹ thuật.
- 7 Sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng từ 30% trở lên (theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).
- 8 Sản xuất ô tô, phụ tùng ô tô, đóng tàu.
- 9 Sản xuất phụ kiện, linh kiện điện tử, cụm chi tiết điện tử không thuộc danh mục “Ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư” (Phần A)
- 10 Sản xuất máy công cụ, máy móc, thiết bị, phụ tùng, máy phục vụ cho sản xuất nông, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp, máy chế biến thực phẩm, thiết bị tưới tiêu không thuộc danh mục “Ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư” (Phần A)
Sản xuất vật liệu thay thế vật liệu Amiăng.
- 11





II.

NÔNG NGHIỆP

- 1 Nuôi, trồng, thu hoạch và chế biến dược liệu; bảo hộ, bảo tồn nguồn gen và những loài dược liệu quý hiếm, đặc hữu.
- 2 Sản xuất, tinh chế thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.
- 3 Dịch vụ khoa học, kỹ thuật về gieo trồng, chăn nuôi, thủy sản, bảo vệ cây trồng, vật nuôi.
- 4 Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ; bảo quản, chế biến gia cầm, gia súc tập trung công nghiệp.
- 5 Xây dựng, phát triển vùng nguyên liệu tập trung phục vụ công nghiệp chế biến.
- 6 Khai thác hải sản.

III.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG

1 Xây dựng, phát triển hạ tầng cụm công nghiệp.

2 Xây dựng chung cư cho công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; xây dựng ký túc xá sinh viên và xây dựng nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội; đầu tư xây dựng các khu đô thị chức năng (bao gồm nhà trẻ, trường học, bệnh viện) phục vụ công nhân.

3 Xử lý sự cố tràn dầu, khắc phục sự cố sạt lở núi, sạt lở đê, bờ sông, bờ biển, đập, hồ chứa và các sự cố môi trường khác; áp dụng công nghệ giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, phá hủy tầng ô-dôn.

4 Đầu tư kinh doanh trung tâm hội chợ triển lãm hàng hóa, trung tâm logistic, kho hàng hóa, siêu thị, trung tâm thương mại.

IV.

GIÁO DỤC, VĂN HÓA, XÃ HỘI, THỂ THAO, Y TẾ

1 Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng của các cơ sở giáo dục, đào tạo; đầu tư phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo ngoài công lập ở các bậc học: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp.

2 Sản xuất trang thiết bị y tế, xây dựng kho bảo quản dược phẩm, dự trữ thuốc

chữa bệnh cho người để phòng thiên tai, thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm.

3 Sản xuất nguyên liệu làm thuốc và thuốc bảo vệ thực vật, thuốc trừ sâu bệnh; phòng, chữa bệnh cho động vật, thủy sản.

4 Đầu tư cơ sở thử nghiệm sinh học, đánh giá sinh khả dụng của thuốc; cơ sở được đạt tiêu chuẩn thực hành tốt trong sản xuất, bảo quản, kiểm nghiệm, thử nghiệm lâm sàng thuốc.

5 Đầu tư nghiên cứu chứng minh cơ sở khoa học của bài thuốc Đông y, thuốc cổ truyền và xây dựng tiêu chuẩn kiểm nghiệm bài thuốc Đông y, thuốc cổ truyền.

6 Đầu tư kinh doanh trung tâm thể dục, thể thao, nhà tập luyện, câu lạc bộ thể dục thể thao, sân vận động, bể bơi; cơ sở sản xuất, chế tạo, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện tập luyện thể dục thể thao.

7 Đầu tư kinh doanh thư viện công cộng, rạp chiếu phim.

8 Đầu tư xây dựng nghĩa trang, cơ sở dịch vụ hỏa táng, điện táng.

V. NGÀNH, NGHỀ KHÁC

Hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô.



02.

DANH MỤC DỰ ÁN QUỐC GIA KÊU GỌI ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TỚI NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 631/
QĐ-TTg ngày 29/4/2014 của Thủ tướng
Chính phủ)





STT	Tên Dự án	Địa điểm	Thông số kỹ thuật	Tổng vốn đầu tư (triệu USD)	Hình thức đầu tư
1	Dự án đầu tư xây dựng đường sắt vào Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng	Hải Phòng	Chiều dài 57 km, xây dựng mới đường đôi, khổ 1435mm	1.600	PPP, BOT
2	Khu công nghiệp chuyên sâu dành cho các đối tác Nhật Bản tại khu vực phía Bắc	Hải Phòng	Diện tích khoảng 300-400 ha nằm trong KKT Đình Vũ – Cát Hải		Liên doanh



03.

DANH MỤC DỰ ÁN CÔNG NGHIỆP KHUYẾN KHÍCH ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG ĐẾN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2523/
QĐ-UBND ngày 23/12/ 2013 của Ủy ban
nhân dân thành phố)

I.

CƠ KHÍ – LUYỆN KIM

1 Sản xuất máy móc, thiết bị (công nghiệp phụ trợ) phục vụ cho ngành đóng tàu.

2 Sản xuất máy công cụ gia công kim loại.

3 Sản xuất thiết bị lọc nước và xử lý nước thải.

4 Sản xuất, chế tạo thiết bị cơ khí chính xác; thiết bị, máy móc kiểm tra, đo lường.

5 Sản xuất khuôn mẫu cho các sản phẩm kim loại và phi kim loại.

6 Nhà máy cơ khí nặng sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết phi tiêu chuẩn trong các lĩnh vực: khai thác dầu khí, mỏ, năng lượng, xi măng, công nghiệp môi trường, xây dựng.

7 Chế tạo, lắp ráp ô tô, xe máy; Sản xuất máy móc, thiết bị, cụm chi tiết (công nghiệp phụ trợ) phục vụ ngành công nghiệp ô tô, xe máy.

8 Chế tạo máy điều khiển bằng số: máy tiện, khoan, nghiền, xay, mài, uốn, gấp, cán, xén, đục lỗ, hàn, hàn cầu vồng, hàn cầu vồng plasma kim loại.



Địa điểm

(khu công nghiệp, cụm công nghiệp):

Đồ Sơn, Nam Cầu Kiền, Gia Minh, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Tân Trào, Chiến Thắng – An Thọ, An Hưng – Đại Bản, Kiền Bái – Cao Nhân, Nam Tràng Cát.

CƠ KHÍ – LUYỆN KIM

TT	Tên dự án	Địa điểm (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)
9	Sản xuất vỏ container.	Nam Cầu Kiền, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, An Hưng – Đại Bản
10	Sản xuất thép hợp kim, thép không gỉ.	Nam Cầu Kiền, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, An Hưng – Đại Bản
11	Sản xuất kết cấu thép.	Đình Vũ, Nam Đình Vũ
12	Chế tạo dầm thép, khung kết cấu dầm cầu	
13	Sản xuất máy móc, thiết bị, chi tiết máy, khuôn mẫu, đồ gá, dụng cụ – dao cắt cho ngành dệt, may, da giày; phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, chế biến thực phẩm, thủy hải sản.	Nam Cầu Kiền, Gia Minh, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Tân Trào, An Hưng – Đại Bản, Nam Đình Vũ, Kiền Bái – Cao Nhân, Cầu Cựu, Nam Tràng Cát
14	Sản xuất thang máy, thiết bị nâng hạ cỡ lớn.	Nam Cầu Kiền, Tràng Duệ, Đình Vũ, Nam Đình Vũ
15	Sản xuất trang thiết bị, dụng cụ thể thao; thiết bị và dụng cụ dạy học; thiết bị y tế.	Nam Cầu Kiền, Tràng Duệ
16	Sản xuất và lắp ráp máy móc thiết bị kỹ thuật điện: máy phát điện, tổ hợp thiết bị năng lượng, máy biến áp, động cơ điện.	Nam Cầu Kiền, Tràng Duệ, Nam Đình Vũ

II.

HOÁ CHẤT – CAO SU NHỰA

TT	Tên dự án	Địa điểm (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)
17	Sản xuất ống và phụ kiện HDPE và PP.R phục vụ cho các ngành: cấp, thoát nước, xây dựng.	Tràng Duệ, Ngũ Phúc, Nam Đình Vũ, Nam Tràng Cát, Đồ Sơn, Quang Phục, Thị trấn Tiên Lãng
18	Sản xuất thuốc chữa bệnh đạt tiêu chuẩn GMP.	VSIP, An Dương
19	Sản xuất thuốc từ thảo dược và nguyên liệu cho ngành dược phẩm.	VSIP, An Dương
20	Sản xuất pin nhiên liệu hydro, pin năng lượng mặt trời, pin nhiên liệu methanol, pin sinh học.	Cầu Cự, Thị trấn Tiên Lãng, Quang Phục, Ngũ Phúc, Nam Đình Vũ
21	Sản xuất nhiên liệu sinh học thay thế nhiên liệu tự nhiên: Etanol, xăng dầu từ xenlulura, Hydro sử dụng Hydrogenase, dầu diesel từ dầu thực vật.	Cầu Cự, Thị trấn Tiên Lãng, Quang Phục, Ngũ Phúc, Nam Đình Vũ
22	Sản xuất kem đánh răng, xà phòng, sữa tắm, dầu gội đầu, hoá mỹ phẩm.	Cầu Cự, Thị trấn Tiên Lãng, Quang Phục, Ngũ Phúc, Tân Liên
23	Sản xuất bao bì nhựa sinh học tự hủy.	Tràng Duệ, Tân Liên, Cầu Cự, Thị trấn Tiên Lãng, Quang Phục, Ngũ Phúc
24	Sản xuất săm, lốp ô tô các loại	Đình Vũ
25	Sản xuất các sản phẩm nhựa kỹ thuật (chi tiết, phụ tùng nhựa cho ô tô, xe máy, đồ điện tử, viễn thông).	Tràng Duệ, Nam Cầu Kiền, Cầu Cự, Thị trấn Tiên Lãng, Quang Phục, Ngũ Phúc
26	Sản xuất thùng nhựa đựng sản phẩm dầu nhờn	Đình Vũ
27	Sản xuất các sản phẩm hoá dầu.	Đình Vũ, Nam Đình Vũ
28	Xây dựng vận hành đường ống dẫn dầu, dẫn khí, kho chứa LPG.	Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Lạch Huyện

29. Chế tạo hệ thống vi cơ điện tử (MENS), hệ thống nano cơ điện tử (NEMS) và thiết bị sử dụng MENS, NEMS.
30. Sản xuất các thiết bị mạng tích hợp, các bộ nhớ dung lượng cao.
31. Sản xuất thiết bị nhận dạng chữ viết, tiếng nói, hình ảnh, cử chỉ, chuyển động và ý nghĩ.
32. Sản xuất thiết bị truyền dữ liệu bằng laser; Thiết bị chuyển mạch quang tự động; Modul và các thiết bị điều khiển thiết bị đầu cuối 3G và mạng thế hệ sau.
33. Sản xuất thiết bị và mạng Internet di động
34. Chế tạo thẻ thông minh, thiết bị giám sát thông minh và đầu đọc thẻ thông minh.
35. Sản xuất các thiết bị thu, phát và chuyển đổi sử dụng trong truyền hình số mặt đất, truyền hình số vệ tinh.
36. Sản xuất điện thoại di động.
37. Sản xuất cáp quang, cáp viễn thông.
38. Chế tạo robot.
39. Sản xuất màn hình độ phân giải cao LCD, LED, OLED.



- 40. Sản xuất máy tính và các thiết bị ngoại vi.
- 41. Sản xuất ổ đĩa cứng, đĩa laser.
- 42. Chế tạo các đầu cảm biến, các thiết bị đo điện tử.
- 43. Chế tạo các thiết bị đo chính xác kỹ thuật số.
- 44. Sản xuất tủ lạnh, máy lạnh, điều hoà.
- 45. Sản xuất nồi cơm điện, bình nóng lạnh, máy giặt.
- 46. Sản xuất máy ảnh kỹ thuật số, máy quay phim, thiết bị ghi âm, ghi hình.
- 47. Sản xuất phụ tùng và thiết bị điện tử hàng hải.
- 48. Chế tạo thiết bị chẩn đoán điện tử cho y tế, phẫu thuật và thiết bị X-quang.
- 49. Chế tạo thiết bị, dụng cụ đo, kiểm: la bàn, thiết bị lái; đo, kiểm cho chất lỏng, khí; đo kiểm áp.
- 50. Sản xuất ống nhôm, thiết bị trong thiên văn học, các ống viễn vọng quang học.
- 51. Sản xuất các dụng cụ tinh thể lỏng, các thiết bị laser và quang học khác.
- 52. Sản xuất các động cơ khoan nha khoa.
- 53. Sản xuất các thiết bị, dụng cụ phân tích lý, hoá: phân tích ga, khói, quang phổ, phóng xạ quang học, đo ánh sáng.
- 54. Sản xuất thiết bị, dụng cụ cân nhạy, kiểm tra độ cứng, đo mật độ.
- 55. Sản xuất các thiết bị điều nhiệt, điều áp.
- 56. Sản xuất các thiết bị, dụng cụ phân tích điện, sóng, quang phổ.
- 57. Sản xuất các thiết bị, dụng cụ cho chụp ảnh, quay phim, sợi quang học, kính áp tròng, mắt giả, máy trợ thính, máy điều hoà nhịp tim.



Địa điểm (khu công nghiệp, cụm công nghiệp):

An Dương, VSIP, Nam Tràng Cát, Tràng Duệ, Cầu Cự



58. Nghiên cứu chế tạo các phần mềm ứng dụng.

📍 **Địa điểm (khu công nghiệp, cụm công nghiệp):**

An Dương, VSIP, Nam Trảng Cát, Trảng Duệ và các Khu Công nghệ phần mềm của Thành phố

59. Sản xuất máy photocopy, máy in, máy scan.

📍 **Địa điểm:** Khu Công nghiệp VSIP





IV. THIẾT BỊ ĐIỆN

- 60. Sản xuất quạt điện cao cấp phục vụ cho dân dụng và công nghiệp.
- 61. Sản xuất các loại ổ cắm, phích cắm, công tắc, atomat, ổn áp, lưu điện, máy hút bụi.
- 62. Sản xuất các loại đèn cao áp, đèn tiết kiệm năng lượng, bóng điện Halogen, đèn trang trí.
- 63. Sản xuất các loại máy phát điện khai thác nguồn năng lượng tái tạo (gió, mặt trời, địa nhiệt, khí sinh học...).
- 64. Sản xuất máy biến thế điện truyền tải.
- 65. Sản xuất khí cụ điện trung, cao thế, máy phát điện cỡ lớn.
- 66. Sản xuất dây và cáp điện.

📍 Địa điểm (khu công nghiệp, cụm công nghiệp):

Nam Tràng Cát, Tràng Duệ, Ngũ Phúc, Thị trấn Tiên Lãng, Quang Phục, Nam Cầu Kiền, Nam Đình Vũ, Cầu Cự

V. VẬT LIỆU MỚI

Vật liệu tiên tiến dùng cho nông nghiệp; vật liệu tham gia vào khâu bảo quản nông sản

- 67. Sản xuất polymer tiên tiến dùng trong che phủ nhà kính.
- 68. Sản xuất polymer siêu hấp thụ nước để giữ ẩm cho đất, cải tạo đất, khắc phục hạn hán, tăng khả năng nảy mầm, tăng năng suất cây trồng.
- 69. Sản xuất polymer phân huỷ sinh học.
- 70. Sản xuất vật liệu chế tạo sensor dùng trong nhà kính.
- 71. Sản xuất KIT sinh học, điện cực sinh học chẩn đoán trị liệu cây trồng, vật nuôi.
- 72. Giống cây trồng được sản xuất bằng công nghệ mô hom cải tiến, bằng nuôi cấy mô tế bào, bằng nuôi cấy bao phấn và chuyển gen chống chịu sâu bệnh và điều kiện khí hậu bất lợi.
- 73. Chế tạo vật liệu cho y, dược: Vacxin thế hệ mới cho con người, KIT chuẩn đoán trong y tế, vật liệu nano sinh học.

Chế tạo vật liệu nano

- 74. Nano composit, nano kim loại, nano oxit kim loại, nanowire, nanorod, nano sinh học.
- 75. Chế tạo ống than nano (carbon nano tube).

Chế tạo vật liệu cho năng lượng

76. Chế tạo vật liệu điện hoá dùng trong các thiết bị điện tử viễn thông, điện thoại, máy tính xách tay, ô tô, xe máy, xe đạp điện.

77. Chế tạo pin nhiên liệu hydro, pin năng lượng mặt trời, pin nhiên liệu methanol, pin sinh học.

Chế tạo vật liệu cho Y, Dược

78. Chế tạo vật liệu dùng trong y học để thay thế một số bộ phận của cơ thể người.

79. Chế tạo vật liệu cao phân tử dùng trong dược học.

80. Chế tạo vật liệu cao phân tử dùng trong mỹ phẩm.

81. Sản xuất chỉ khâu kỹ thuật và màng mỏng sinh học dùng trong y tế.

Chế tạo vật liệu polymer và composite

82. Chế tạo vật liệu composite nền cao phân tử phục vụ cho giao thông vận tải: sản xuất canô, tàu xuồng cỡ nhỏ, vỏ một số bộ phận ô tô.

83. Chế tạo vật liệu composite dùng vật liệu tự nhiên như đay, lanh.

84. Chế tạo polymer dẫn điện.

85. Chế tạo các vật liệu composite dạng dẻo, dạng bimetal.

86. Vật liệu composite cao phân tử sử dụng cho kỹ thuật điện và điện tử trong điều kiện môi trường khắc nghiệt.

87. Composite nền kim loại sử dụng trong kỹ thuật điện, điện tử và y – sinh.

Chế tạo vật liệu điện tử, quang tử

88. Chế tạo vật liệu ứng dụng trong công nghiệp điện tử: nam châm, các vật liệu vô định hình và vi tinh thể, vật liệu từ nano.

89. Chế tạo vật liệu và linh kiện cảm biến: bán dẫn, siêu dẫn, các chất dẫn điện mới, gốm áp điện.

90. Chế tạo vật liệu và linh kiện quang – điện tử phục vụ cho lĩnh vực viễn thông, tự động hoá.

91. Sản xuất giấy dẫn điện.

92. Sản xuất mực dẫn điện.

 **Địa điểm (khu công nghiệp, cụm công nghiệp):**

An Dương, VSIP, Nam Tràng Cát, Cầu Cự

VI. VẬT LIỆU XÂY DỰNG

- 93. Sản xuất vật liệu nhẹ, siêu nhẹ dùng để làm tường, vách ngăn.
- 94. Sản xuất khung cửa nhôm, khung cửa nhựa có lõi thép gia cường.
- 95. Sản xuất vật liệu chống cháy, cách âm, cách điện, cách nhiệt, tiết kiệm năng lượng.

Địa điểm (khu công nghiệp, cụm công nghiệp):

An Dương, VSIP, Ngũ Phúc, Tràng Duệ, Nam Đình Vũ, Cầu Cự, Thị trấn Tiên Lãng, Tân Liên, Quang Phục

- 96. Sản xuất các vật liệu xây dựng không nung.
- 97. Sản xuất các loại ngói tráng men, ngói trang trí.
- 98. Sản xuất tấm lợp composite, tấm lợp polycarbonate, tấm lợp polycarbonate – hợp kim nhôm, tấm lợp acrylic có phủ các hạt đá tự nhiên.
- 99. Sản xuất các loại đá ốp lát nhân tạo chất lượng cao như Terastone và Brettstone.
- 100. Sản xuất các vật liệu ốp lát nội thất có khả năng ngăn ngừa sự ngưng tụ hơi nước, ngăn ngừa sự bám bẩn, có khả năng hút mùi hôi.
- 101. Sản xuất các vật liệu ốp lát ngoại thất có bề mặt là những loại hợp chất có khả năng chống thấm cao, chống bám dính, ngăn ngừa sự phát triển của rêu mốc.

Địa điểm (khu công nghiệp, cụm công nghiệp):

Nam Cầu Kiền, Ngũ Phúc, Tràng Duệ, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Cầu Cự, Thị trấn Tiên Lãng, Quang Phục

VII. CÔNG NGHIỆP NHẸ

- 102. May mặc xuất khẩu (có sử dụng nguyên vật liệu trong nước).
- 103. Sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành may mặc (công nghiệp phụ trợ): Xơ sợi polyester, chỉ, cúc, khoá.
- 104. Sản xuất nguyên phụ liệu cho ngành sản xuất giấy (công nghiệp phụ trợ): đế, vải giả da (PVC, PU).
- 105. Sản xuất văn phòng phẩm và thiết bị văn phòng.
- 106. Sản xuất giấy in, giấy tráng phim, khăn ăn cao cấp.
- 107. Sản xuất giấy da, giấy thể thao, giấy vải, dép sandal thời trang.



Địa điểm (khu công nghiệp, cụm công nghiệp):

Cầu Cự, Ngũ Phúc, Tân Liên, Thị trấn Tiên Lãng, Quang Phục



VIII. CHẾ BIẾN THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG

TT	Tên dự án	Địa điểm (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)
108	Sản xuất bia, rượu, nước giải khát.	Ngũ Phúc, Thị trấn Tiên Lãng, Quang Phục Cầu Cự
109	Chế biến nông sản.	
110	Chế biến thủy hải sản.	Trung tâm dịch vụ hậu cần thủy sản Hải Phòng (Khu neo đậu và dịch vụ hậu cần thủy sản Trân Châu, huyện Cát Hải; Khu neo đậu và dịch vụ hậu cần thủy sản Vĩnh Quang, huyện Tiên Lãng)
111	Sản xuất, trích ly dầu đậu nành, tinh luyện dầu thực vật.	Cầu Cự, Ngũ Phúc, Thị trấn Tiên Lãng, Quang Phục
112	Chế biến thịt xuất khẩu.	
113	Sản xuất các sản phẩm sôcôla và ca cao cao cấp.	
114	Sản xuất thức ăn gia súc.	
115	Chế phẩm giàu dinh dưỡng phục vụ sức khỏe cho người và vật nuôi.	
116	Sản xuất Protein, Axit amin, axit hữu cơ.	



XI.

CÔNG NGHIỆP TÁI CHẾ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN, NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI

- 117 Chế tạo dây chuyền xử lý chất thải bằng công nghệ sinh học.
- 118 Chế tạo thiết bị xử lý ô nhiễm môi trường, xử lý chất thải tiên tiến khác.
- 119 Thu gom, xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn, tái chế, tái sử dụng chất thải phát sinh trên địa bàn thành phố.

X.

XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

- 120 Đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cụm công nghiệp.

04.

DANH MỤC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3065/QĐ-UBND ngày
09/12/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố)



STT	NGÀNH, NGHỀ	Địa điểm	Quy mô/ Công suất	Vốn đầu tư (USD)
I.	Ngành điện tử, điện lạnh, tin học			
1	Dự án sản xuất màn hình tinh thể lỏng LCD, LED, OLED	Các KCN: Trảng Duệ, Đồ Sơn, Nam Cầu Kiền, Cầu Cựu, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Trảng Cát, VSIP, An Dương	Công suất 300.000 sản phẩm/năm	37.500.000
2	Dự án sản xuất robot công nghiệp	Các KCN: Trảng Cát, VSIP, An Dương	Công suất ban đầu 2.000 chiếc/năm	70.000.000
3	Dự án sản xuất máy tính, định hướng ưu tiên lắp ráp máy chủ và các thiết bị mạng, thiết bị bảo mật	Các KCN: Trảng Duệ, Đồ Sơn, Nam Cầu Kiền, Cầu Cựu, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Trảng Cát, VSIP, An Dương	Công suất khoảng 500.000 sản phẩm/năm	75.000.000
4	Dự án sản xuất linh kiện điện tử, máy tính xách tay	Các KCN: Trảng Duệ, Đồ Sơn, Nam Cầu Kiền, Cầu Cựu, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, VSIP, An Dương, Trảng Cát	Công suất 20 triệu sản phẩm/năm	50.000.000

STT	NGÀNH, NGHỀ	Địa điểm	Quy mô/ Công suất	Vốn đầu tư (USD)
5	Dự án sản xuất, chế tạo, lắp ráp thiết bị chẩn đoán hình ảnh y tế	Các KCN: Tràng Duệ, Đồ Sơn, Nam Cầu Kiền, Cầu Cựu, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Tràng Cát, VSIP, An Dương	Máy chụp X-quang: công suất 500 chiếc/ năm, máy chụp cắt lớp vi tính: công suất 50 chiếc/năm, máy chụp cộng hưởng từ: công suất 10 chiếc/ năm, máy tán sỏi: công suất 50 chiếc/năm	200.000.000
6	Dự án chế tạo, lắp ráp máy quang học y tế, máy phẫu thuật khúc xạ laser	Các KCN: Tràng Duệ, Đồ Sơn, Nam Cầu Kiền, Cầu Cựu, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Tràng Cát, VSIP, An Dương	Công suất 30 chiếc/năm	25.000.000

7	Dự án sản xuất các thiết bị, dụng cụ phân tích lý, hóa: phân tích ga, khói, quang phổ, phóng xạ quang học, đo ánh sáng	Các KCN: Trảng Duệ, Đồ Sơn, Nam Cầu Kiền, Cầu Cựu, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Trảng Cát, VSIP, An Dương	Công suất 250.000 sản phẩm/năm	20.000.000
8	Dự án sản xuất, chế tạo thiết bị, dụng cụ đo, kiểm: la bàn, thiết bị lái, đo, kiểm chất lỏng, khí, đo kiểm áp	Các KCN: Nam Trảng Cát, VSIP, An Dương	Công suất 300.000 sản phẩm/năm	17.500.000
9	Dự án sản xuất thiết bị mạng, thiết bị ngoại vi, sản xuất các vi mạch điện tử phục vụ ngành công nghệ cao	Các KCN: Trảng Duệ, Đồ Sơn, Nam Cầu Kiền, Cầu Cựu, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Trảng Cát, VSIP, An Dương	Công suất khoảng 2 triệu sản phẩm/năm	200.000.000

STT	NGÀNH, NGHỀ	Địa điểm	Quy mô/ Công suất	Vốn đầu tư (USD)
10	Dự án sản xuất các linh kiện và máy móc thiết bị điện tử ngành bưu chính, viễn thông và cáp viễn thông	Các KCN: Trảng Duệ, Đồ Sơn, Nam Cầu Kiển, Cầu Cự, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Trảng Cát, VSIP, An Dương		12.500.000
11	Dự án sản xuất các thiết bị đo chính xác, kỹ thuật số	Các KCN: Nam Trảng Cát, VSIP, An Dương, Trảng Duệ, Đồ Sơn	Công suất khoảng 900.000 sản phẩm/năm	15.000.000
12	Dự án sản xuất đồ gia dụng: máy điều hòa, tủ lạnh, máy rửa bát, bình nước nóng, nồi cơm điện	Các KCN: Trảng Duệ, Đồ Sơn, Nam Cầu Kiển, Cầu Cự, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Trảng Cát, VSIP, An Dương	Công suất 300.000 sản phẩm/năm	22.500.000

II.	Ngành cơ khí, chế tạo			
13	Dự án sản xuất, lắp ráp động cơ và các thiết bị phụ tùng cung cấp cho các loại tàu thủy tải trọng từ 6.500 DWT trở lên	Các KCN: Nam Cầu Kiền, Đình Vũ. Cụm CN tàu thủy An Hồng.	Sản xuất, lắp ráp động cơ và các thiết bị phụ tùng cung cấp cho các loại tàu thủy 6.500 DWT trở lên	125.000.000
14	Dự án sản xuất, chế tạo máy công nghiệp nặng, sản xuất các chi tiết chính xác của máy công nghiệp nặng thuộc họ tiện như trục chính, vitme-bi, chấu/ mâm cặp/ụ động	KCN VSIP	Công suất: 800.000 SP/năm	40.000.000
15	Dự án sản xuất các thiết bị cho ngành y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng	KCN VSIP	Công suất: 1.000.000 SP/năm	75.000.000
16	Dự án sản xuất máy móc thiết bị thuộc ngành công nghiệp môi trường, ngành nước	Các KCN: Tràng Duệ, Đồ Sơn		25.000.000

STT	NGÀNH, NGHỀ	Địa điểm	Quy mô/ Công suất	Vốn đầu tư (USD)
17	Dự án sản xuất máy móc thiết bị thuộc ngành dầu khí, năng lượng	KKT Đình Vũ – Cát Hải		27.500.000
18	Dự án sản xuất máy móc thiết bị thuộc ngành đóng và sửa chữa tàu thủy	KCN Bến Rừng		25.000.000
19	Các dự án sản xuất máy móc, thiết bị, phụ tùng các ngành: dệt may, da giày, chế biến thực phẩm, thủy hải sản, nông nghiệp, lắp ráp ô tô tải	Các KCN: Nam Cầu Kiền, Tràng Duệ	Sản xuất máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ các ngành: dệt may, da giày, chế biến thực phẩm, thủy hải sản, nông nghiệp, lắp ráp ô tô tải	27.500.000
20	Dự án sản xuất thiết bị đo lường, quan trắc...	Các KCN: Cầu Cự, Ngũ Phúc, Các cụm CN: Quang Phục, thị trấn Tiên Lãng		15.000.000

21	Dự án sản xuất, chế tạo thiết bị, máy móc điều khiển số: máy tiện, khoan, nghiền, xay, mài, uốn, gấp, cán, xén, hàn.....	Các KCN: Nam Cầu Kiền, Tràng Duệ, Đồ Sơn, An Dương, Cầu Cự, VSIP, Đình Vũ, Nam Đình Vũ, Nam Tràng Cát, khu vực Cát Hải		12.500.000
22	Dự án sản xuất linh kiện, thiết bị, máy móc phục vụ ngành vận tải đường sắt và đường bộ: toa xe, xe tải hạng nặng	Các KCN: Cầu Cự, Ngũ Phúc, Nam Đình Vũ		25.000.000
23	Dự án sản xuất thùng container, bể, thùng kim loại cỡ lớn, ống thép cỡ lớn..., kết cấu thép khối chuyên dụng, đặc chủng	Các KCN: Ngũ Phúc, Nam Đình Vũ		15.000.000
24	Một số dự án sản xuất, lắp ráp phương tiện vận tải, ô tô du lịch, xe khách, động cơ mô tô	Các KCN: Trạng Duệ, Cầu Cự, Ngũ Phúc.		100.000.000

STT	NGÀNH, NGHỀ	Địa điểm	Quy mô/ Công suất	Vốn đầu tư (USD)
III.	Ngành công nghiệp hóa chất, lọc dầu			
25	Dự án chế tạo pin nhiên liệu hydro, pin năng lượng mặt trời, pin nhiên liệu, methanol, pin sinh học	Các KCN: Cầu Cựu, Ngũ Phúc.	Công suất 5 triệu sản phẩm/năm	15.750.000
26	Dự án sản xuất sơn có khả năng chịu nhiệt, làm giảm nhiệt độ bề mặt	Các KCN: Cầu Cựu, Ngũ Phúc.		5.000.000
27	Dự án sản xuất sơn điện ly phục vụ cho ngành công nghiệp ô tô	Các KCN: Cầu Cựu, Ngũ Phúc.		15.750.000
28	Dự án chế biến các sản phẩm hóa dầu	KKT Đình Vũ – Cát Hải		21.000.000
29	Dự án sản xuất hóa mỹ phẩm cao cấp và các sản phẩm chăm sóc cá nhân	Các KCN: Cầu Cựu, Ngũ Phúc.	Công suất 20.000 tấn/năm	10.000.000



30	Dự án sản xuất các sản phẩm nhựa kỹ thuật) chi tiết, phụ tùng nhựa cho ô tô, xe máy, đồ điện tử, viễn thông)	Các KCN: Cầu Cựu, Ngũ Phúc.	Công suất 10,000 tấn/năm	7.500.000
31	Dự án sản xuất các loại dược phẩm mới bằng công nghệ sinh học	Các KCN: Cầu Cựu, Ngũ Phúc.		15.750.000
IV. Ngành luyện kim				
32	Dự án sản xuất thép cao cấp (thép hợp kim, thép không gỉ, kim loại hợp kim) đặc chủng	KCN Đình Vũ	Công suất 0,5 – 1 triệu tấn/năm (thép tấm, thép hình, thép hợp kim, kim loại hỗn hợp đặc chủng)	22.500.000
33	Nhà máy đúc phục vụ đóng tàu	Cụm CN Gia Đức	Công suất 10.000 tấn/năm	400.000.000

CẢNG HÀNG KHÔNG QUỐC TẾ CÁT BÍ INTERNATIONAL

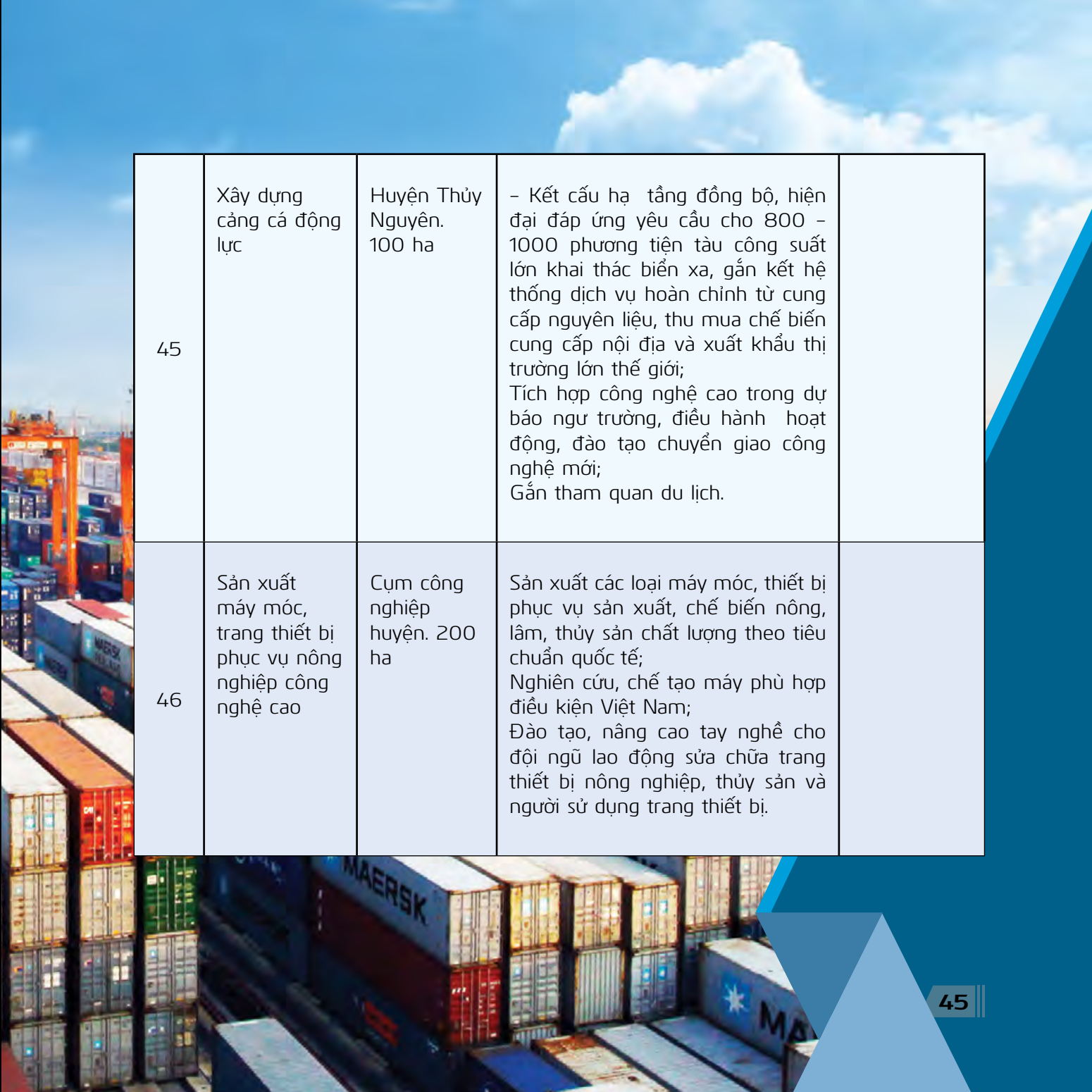
STT	NGÀNH, NGHỀ	Địa điểm	Quy mô/ Công suất	Vốn đầu tư (USD)
V.	Ngành giao thông vận tải			
34	Hầm đường bộ từ đường Nguyễn Bình Khiêm đi đảo Vũ Yên	Quận Hải An và huyện Thủy Nguyên	L=350m, 4 làn xe. Diện tích sử dụng đất: 8,1 ha	180.000.000
35	Nút giao thông khác mức Hồ Sen Cầu Rào 2 – Nguyễn Văn Linh	Quận Lê Chân và quận Hải An	Cầu vượt trục thông. Diện tích sử dụng đất: 6 ha	17.000.000
36	Cầu Hải Thành (trên vành đai 3), đoạn từ đường tỉnh 353 đến nút giao Tần Vũ	Quận Dương Kinh và huyện Hải An	Lđường=5km, Lc=600m, B=22,5m, 12 làn xe. Diện tích sử dụng đất: 40 ha	135.000.000
37	Cầu Bến Lâm	Quận Hồng Bàng và huyện Thủy Nguyên	L=1300m, B=22,5m, 10 làn xe. Diện tích sử dụng đất: 6 ha	160.000.000

VI Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch				
38	Dự án làng biệt thự du lịch cao cấp Vạn Hương Chủ đầu tư phía Việt Nam: Công ty cổ phần Daso	Phường Vạn Hương, quận Đồ Sơn	Xây dựng khu du lịch đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí cao cấp tại Đồ Sơn, gồm các công trình: xây dựng khu biệt thự cao cấp, cầu, cảng du lịch, khu dịch vụ du lịch. Diện tích 53,7 ha	19.750.000
39	Dự án khu đô thị du lịch Quang Minh Chủ đầu tư phía Việt Nam: Công ty cổ phần Đầu tư – Du lịch Quang Minh	Xã Thủy Sơn, Thiên Hương huyện Thủy Nguyên	Xây dựng khu du lịch đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí phục vụ du khách trong nước và quốc tế gồm các công trình: xây dựng khách sạn 4 sao, trung tâm tổ chức sự kiện, trung tâm thương mại, nhà hàng, khối văn phòng.... Diện tích 151,24 ha	10.000.000

STT	NGÀNH, NGHỀ	Địa điểm	Quy mô/ Công suất	Vốn đầu tư (USD)
VII Lĩnh vực thông tin, truyền thông				
40	Dự án đầu tư khu công nghệ thông tin tập trung Hải Phòng	Địa bàn quận Lê Chân/huyện An Dương. Diện tích khoảng 30 ha	Xây dựng khu công nghệ thông tin và tập trung bao gồm 7 phân khu chức năng: Khu sản xuất, kinh doanh sản phẩm và dịch vụ công nghệ thông tin; Khu nghiên cứu, phát triển và ương tạo công nghệ thông tin; khu đào tạo (gồm trường đại học FPT), khu trưng bày, hội chợ, triển lãm, mua bán, giới thiệu sản phẩm; nhóm phân khu cung cấp các dịch vụ cho khu công nghệ thông tin tập trung; khu văn phòng; khu công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối	6.000.000

VIII		Lĩnh vực nông nghiệp		
41	Sản xuất rau ứng dụng công nghệ cao	Các huyện: Vĩnh Bảo, Kiến Thụy, An Lão, Tiên Lãng, Thủy Nguyên. 2.200 ha	Đầu tư hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu sản xuất giống và các sản phẩm rau an toàn công nghệ cao; Hình thành khu liên hợp nghiên cứu sản xuất kỹ thuật tiên tiến, đào tạo chuyển giao công nghệ trong sản xuất chế biến rau.	
42	Sản xuất hoa ứng dụng công nghệ cao	Huyện An Dương. 200 ha	Sản xuất giống hoa chất lượng; Sản xuất hoa thương phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu (lay ơn, loa kèn, cúc, lyly...) Nghiên cứu chọn tạo giống hoa mới; Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đổi mới quy trình sản xuất hướng tới hiệu quả cao hơn.	

STT	NGÀNH, NGHỀ	Địa điểm	Quy mô/ Công suất	Vốn đầu tư (USD)
43	Sản xuất chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao gắn với giết mổ theo quy trình công nghệ tiên tiến	Các huyện: Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, Thủy Nguyên, An Dương: 100 ha	Sản xuất giống gia cầm (gà lông màu), giống lợn ngoại; Chọn tạo giống lợn, gà có năng suất chất lượng cao; Chăn nuôi lợn ngoại, gà lông màu trong các trang trại ứng dụng công nghệ tiên tiến, an toàn vệ sinh thú y; Các cơ sở giết mổ quy trình tiên tiến, trang thiết bị hiện đại gắn với vùng sản xuất tập trung; Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.	
44	Nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao	Quận Dương Kính và các huyện: Tiên Lãng, Kiến Thụy. 1.000 ha	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ hiện đại đảm bảo tích hợp công nghệ cao trong kết cấu hạ tầng, sản xuất chế biến thủy sản; Tập trung sản phẩm thủy sản nước mặn, lợ, đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế phục vụ nội địa và xuất khẩu; Nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao đào tạo nguồn nhân lực.	



45	Xây dựng cảng cá động lực	Huyện Thủy Nguyên. 100 ha	- Kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu cho 800 – 1000 phương tiện tàu công suất lớn khai thác biển xa, gắn kết hệ thống dịch vụ hoàn chỉnh từ cung cấp nguyên liệu, thu mua chế biến cung cấp nội địa và xuất khẩu thị trường lớn thế giới; Tích hợp công nghệ cao trong dự báo ngư trường, điều hành hoạt động, đào tạo chuyển giao công nghệ mới; Gắn tham quan du lịch.	
46	Sản xuất máy móc, trang thiết bị phục vụ nông nghiệp công nghệ cao	Cụm công nghiệp huyện. 200 ha	Sản xuất các loại máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế; Nghiên cứu, chế tạo máy phù hợp điều kiện Việt Nam; Đào tạo, nâng cao tay nghề cho đội ngũ lao động sửa chữa trang thiết bị nông nghiệp, thủy sản và người sử dụng trang thiết bị.	

STT	NGÀNH, NGHỀ	Địa điểm	Quy mô/ Công suất	Vốn đầu tư (USD)
IX	Lĩnh vực Y tế			
47	Bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng khu vực Duyên hải		Nâng cấp trung tâm chỉnh hình và phục hồi chức năng thành bệnh viện chỉnh hình và phục hồi chức năng khu vực Duyên Hải có công suất 150 giường bệnh	7.500.000 – 10.000.000
48	Sản xuất thuốc kháng sinh và nguyên liệu sản xuất thuốc kháng sinh			
X	Lĩnh vực khác			
49	Dự án trường dạy nghề chất lượng cao		Đào tạo nghề đạt tiêu chuẩn cấp độ Quốc tế, ASEAN	1.500.000 – 2.500.000
50	Xây dựng khu công nghiệp chuyên sâu	Địa điểm xã An Hưng, An Hồng huyện An Dương. Diện tích 300 – 400 ha		

HẢI PHÒNG

ĐIỂM ĐẾN ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC

THỂ CHẾ
KIẾN TẠO
PHÁT TRIỂN

ĐIỂM
ĐẦU TƯ
CHIẾN LƯỢC

QUY HOẠCH
CHIẾN LƯỢC

CƠ SỞ
HẠ TẦNG
LIÊN KẾT
VÙNG

**TRUNG TÂM XÚC TIẾN
ĐẦU TƯ, THƯƠNG MẠI, DU LỊCH
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

Địa Chỉ: Tầng 3 Tòa nhà số 18 đường Hoàng Diệu,
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Điện Thoại: +84 225 3822258 | **Fax:** +84 225 3823358.

Email: hppc@haiphong.gov.vn

Website: hppc.gov.vn